

Bản án số: 16/2023/DS-PT  
Ngày: 13/01/2023  
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thanh Vũ;  
*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Thành Hữu;  
Ông Nguyễn Vĩnh Khương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Thị Mỹ Nhiên-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh-Kiểm sát viên.

Ngày 13/01/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 199/2022/TLPT-DS ngày 10/11/2022, về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2022/DS-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 260/2022/QĐ-PT ngày 06/12/2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng K; Địa chỉ trụ sở: Đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:*

1. Ông Nguyễn D-Giám đốc Ngân hàng K-Chi nhánh Sóc Trăng; Địa chỉ liên hệ: Đường T, Phường X, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; là người đại diện theo ủy quyền. (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Ông Đinh Q-Quyền Trưởng phòng khách hàng cá nhân/khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng K-Chi nhánh Sóc Trăng; Địa chỉ liên hệ: Đường T, Phường X, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; là người đại diện theo ủy quyền. (vắng mặt)

**- Bị đơn:**

1. Ông Châu P; Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2. Bà Trần L; Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Châu H; Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2. Bà Ông N; Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Ngân hàng K là nguyên đơn trong vụ án.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo Đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày như sau:

Ông Châu P, bà Trần L vay vốn tại Ngân hàng K-Chi nhánh Sóc Trăng (sau đây viết tắt là Ngân hàng K) số tiền 70.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 271/18/HĐTD/2100-4672 ngày 31/5/2018 (viết tắt là Hợp đồng tín dụng). Mục đích vay để phục vụ đời sống (Mua sắm đồ dùng gia đình và tiêu dùng). Giải ngân ngày 31/5/2018. Thời hạn vay là 36 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất trong hạn 13,68%/năm, tính trên số dư nợ thực tế và thời gian vay vốn thực tế. Lãi suất cho vay được cố định trong 03 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Hình thức thanh toán gốc trả định kỳ hàng tháng, trả lãi định kỳ hàng tháng.

Hợp đồng tín dụng nêu trên được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 271/18/HĐTC-BĐS/2100-4672 ngày 31/5/2018 (viết tắt là Hợp đồng thế chấp) đã được Văn phòng công chứng T công chứng, đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C. Tài sản thế chấp là thửa đất số XXX, tờ bản đồ số 02, diện tích 113,8 m<sup>2</sup> tại ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI YYY, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS ZZZ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 12/3/2018.

Ngày 31/5/2020 là ngày đến hạn thanh toán gốc, lãi nhưng ông P, bà L không thanh toán. Ngân hàng K đã gửi thông báo, yêu cầu ông P, bà L thanh toán nợ, ông P, bà L cam kết thanh toán nhiều lần nhưng không thực hiện. Tính đến ngày xét xét sơ thẩm (ngày 22/9/2022) ông P, bà L còn nợ Ngân hàng K tổng số tiền là 39.231.175 đồng (trong đó, vốn gốc 26.300.000 đồng, tiền lãi trong hạn 2.286.704 đồng, tiền lãi quá hạn 9.914.525 đồng và tiền lãi phạt chậm trả lãi 729.946 đồng).

Nay Ngân hàng K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông P, bà L có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng K số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/9/2022) tổng số tiền là 39.231.175 đồng (trong đó, vốn gốc là 26.300.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 2.286.704 đồng, tiền lãi quá hạn là 9.914.525 đồng, tiền lãi phạt chậm trả lãi là 729.946 đồng) và tiền lãi quá hạn phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày trả dứt nợ; Khi bản án có hiệu lực pháp luật mà ông P, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ Ngân hàng K được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp để ưu tiên thanh toán nợ.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Châu P trình bày như sau:

Ông P, bà L có quan hệ là vợ chồng. Vào ngày 31/5/2018, vợ chồng ông P vay vốn tại Ngân hàng K số tiền 70.000.000 đồng để phục vụ đời sống, mua đồ dùng gia đình và tiêu dùng. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay, vợ chồng ông P có thế chấp tài sản là thửa đất số XXX, tờ bản đồ số 02, diện tích 113,8 m<sup>2</sup> tại ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI YYY, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS ZZZ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 12/3/2018.

Sau khi được giải ngân tiền vay, ông P đã trả vốn vay được số tiền 43.700.000 đồng, còn nợ vốn vay số tiền 26.300.000 đồng, do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên không có khả năng trả vốn vay, trả lãi đúng như thỏa thuận. Ông P thống nhất tính đến ngày 22/9/2022 còn nợ Ngân hàng K tổng số tiền là 39.231.175 đồng. Ông P đồng ý trả cho Ngân hàng K số tiền vay, tiền lãi còn nợ nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên đề nghị được trả dần mỗi tháng số tiền 5.000.000 đồng. Trường hợp không trả tiền vay, tiền lãi đúng hạn thì đồng ý để Ngân hàng K phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Trần L trình bày như sau: Bà L là vợ ông P, chung sống cùng ông P tại ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Bà L thống nhất với trình bày của ông P. Hiện tại do điều kiện kinh tế khó khăn nên đề nghị được trả dần mỗi tháng số tiền 5.000.000 đồng. Trường hợp không trả tiền vay, tiền lãi đúng hạn thì đồng ý để Ngân hàng K phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Châu H trình bày như sau: Ông H là con ruột của ông P, bà L, chung sống cùng ông P, bà L tại ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Ông H không có vay tiền của Ngân hàng K, nhưng ông biết cha, mẹ ông có thế chấp tài sản là căn nhà, thửa đất gia đình ông đang ở để vay tiền. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên chưa có điều kiện trả nợ cho Ngân hàng K. Ông H đề nghị được trả số tiền vay hàng tháng, mỗi tháng trả số tiền 5.000.000 đồng như ông P, bà L trình bày, trường hợp không trả nợ đúng hạn thì đồng ý để Ngân hàng K phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông N đã được Tòa án cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có văn bản tường trình ý kiến, không cung cấp chứng cứ phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

\* Vụ án được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm.

\* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2022/DS-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng K, buộc ông Châu P, bà Trần L liên đới trả cho Ngân hàng K số tiền 38.501.229 đồng (Ba mươi tám triệu năm trăm lẻ một nghìn hai trăm hai mươi chín đồng), gồm:

- Vốn gốc: 26.300.000 đồng;
- Tiền lãi trong hạn: 2.286.704 đồng;
- Tiền lãi quá hạn: 9.914.525 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/9/2022) ông Châu P, bà Trần L còn phải chịu tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 271/18/HĐTD/2100-4672 ngày 31/5/2018 cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng số 271/18/HĐTD/2100-4672 ngày 31/5/2018 các bên có thỏa thuận điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng K lãi suất mà ông Châu P, bà Trần L phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng K.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng K yêu cầu ông Châu P, bà Trần L trả phạt chậm trả lãi số tiền 729.946 đồng (Bảy trăm hai mươi chín nghìn chín trăm bốn mươi sáu đồng).

4. Trường hợp ông Châu P, bà Trần L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng K có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm:

Thửa đất số XX, tờ bản đồ số 02, diện tích 113,8m<sup>2</sup> tại ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở

và tài sản khác gắn liền với đất số CI YYY, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS ZZZ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 12/3/2018 và tài sản gắn liền là căn nhà chính ngang phía trước 4,7m, ngang phía sau 4,8m, dài 9,5m, diện tích 45,13m<sup>2</sup>, kết cấu khung cột bê tông đúc sẵn, tường 10cm, mái lợp tole, không có trần, nền lát gạch Ceramic, cửa gỗ; căn nhà sau ngang 6,6m, dài 6,0m, diện tích 39,6m<sup>2</sup>, kết cấu khung cột bê tông đúc sẵn, tường 10cm, mái lợp tole, không có trần, cửa gỗ, nền xi măng; mái che hong nhà chính ngang 1,8m, dài 9,5m, diện tích 17,1m<sup>2</sup>, kết cấu cột tre, mái tole, vách tole, nền xi măng; mái che nhà sau ngang 4,3m, dài 1,4m, diện tích 6,02m<sup>2</sup>, kết cấu cột tre, mái tole, không vách.

Khi Ngân hàng K có đơn yêu cầu ông Châu P, bà Trần L, ông Châu H, bà Ông N phải có nghĩa vụ bàn giao tài sản cho Cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn giải quyết về chi phí thẩm định, án phí và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

\* Ngày 05/10/2022, nguyên đơn Ngân hàng K kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng như sau:

+ Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là thực hiện chưa đúng nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về việc giải quyết vụ án: Xét cấp sơ thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần tiền lãi phạt chậm trả lãi là không phù hợp với hợp đồng tín dụng mà nguyên đơn và bị đơn đã ký kết và quy định của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và điểm b khoản 4 Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Châu P, Trần L thanh toán tiền lãi chậm trả lãi với số tiền là 729.946 đồng là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bị đơn Châu P, Trần L có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng K tiền lãi chậm trả lãi với số tiền là 729.946 đồng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng K là ông Nguyễn D vắng mặt và có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn Ngân hàng K là ông Đinh Q vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ; bị đơn Châu P, Trần L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Châu H, Ông N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo lập ngày 05/10/2022 của nguyên đơn Ngân hàng K lập và nộp trực tiếp tại Tòa án cấp sơ thẩm vào ngày 05/10/2022 là hợp lệ, đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại phần giải quyết về tiền lãi chậm trả lãi của Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2022/DS-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

[3] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét trong vụ án này, nguyên đơn Ngân hàng K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp xuất phát từ hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên đương sự nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản là không phù hợp, sẽ dẫn đến áp dụng pháp luật nội dung không đúng. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

[4] Về tranh chấp Hợp đồng tín dụng số 271/18/HĐTD/2100-4672 ngày 31/5/2018: Xét giữa nguyên đơn Ngân hàng K và bị đơn Châu P, Trần L ký kết Hợp đồng tín dụng số 271/18/HĐTD/2100-4672 ngày 31/5/2018, nội dung cụ thể nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền là 70.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 13,68%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay là 36 tháng, mục đích vay để phục vụ đời sống (mua sắm đồ dùng và tiêu dùng). Hợp đồng tín dụng nêu trên được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 271/18/HĐTC-BĐSD/2100-4672 ngày 31/5/2018 đối với thửa đất số XX, tờ bản đồ số 02, diện tích 113,8 m<sup>2</sup> tại ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI YYY, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS ZZZ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 12/3/2018. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/9/2022) ông P, bà L còn nợ Ngân hàng K tổng số tiền là 39.231.175 đồng (trong đó, vốn gốc 26.300.000 đồng, tiền lãi trong hạn 2.286.704 đồng, tiền lãi quá hạn 9.914.525 đồng và tiền lãi phạt chậm trả lãi 729.946 đồng). Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận một phần khởi kiện của

nguyên đơn, buộc ông P, bà L liên đới thanh toán cho Ngân hàng K tổng số tiền là 38.501.229 đồng (bao gồm các khoản, vốn gốc là 26.300.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 2.286.704 đồng và tiền lãi quá hạn là 9.914.525 đồng) và xử lý tài sản thế chấp. Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc thanh toán tiền lãi chậm trả lãi là 729.946 đồng nên nguyên đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả lãi với số tiền là 729.946 đồng.

[5] Xét kháng cáo của Ngân hàng K yêu cầu buộc các bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả lãi với số tiền là 729.946 đồng: Xét tại Hợp đồng tín dụng số 271/18/HĐTD/2100-4672 ngày 31/5/2018 thì giữa ông P, bà L và Ngân hàng K có thỏa thuận việc trả lãi chậm trả lãi là 10%/năm tính trên số dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả (quy định tại Mục 8 Điều 2, Mục 1 Điều 5 và Mục 3 Điều 8 của Hợp đồng). Xét thỏa thuận việc trả lãi chậm trả lãi với mức lãi suất 10%/năm đối với khoản tiền lãi trong hạn chậm trả giữa các bên đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), điểm b khoản 2 Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và điểm b khoản 4 Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Do đó, Ngân hàng K kháng cáo yêu cầu buộc bị đơn thanh toán cho Ngân hàng K tiền lãi chậm trả lãi trong hạn đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/9/2022) là có căn cứ.

[6] Cụ thể, ông P, bà L phải thanh toán cho Ngân hàng K tiền lãi chậm trả lãi trong hạn đến ngày 22/9/2022, với mức lãi suất 10%/năm theo từng kỳ trả nợ như sau: Kỳ trả nợ từ ngày 30/4/2020-31/5/2020, số tiền lãi trong hạn là 317.185 đồng với tiền lãi chậm trả lãi là 73.344 đồng; Kỳ trả nợ từ ngày 31/5/2020-30/6/2020, số tiền lãi trong hạn là 304.792 đồng với tiền lãi chậm trả lãi là 67.973 đồng; Kỳ trả nợ từ ngày 30/6/2020-31/7/2020, số tiền lãi trong hạn là 314.952 đồng với tiền lãi chậm trả lãi là 67.564 đồng; Kỳ trả nợ từ ngày 31/7/2020-31/8/2020, số tiền lãi trong hạn là 314.952 đồng với tiền lãi chậm trả lãi là 64.889 đồng; Kỳ trả nợ từ ngày 31/8/2020-30/9/2020, số tiền lãi trong hạn là 304.792 đồng với tiền lãi chậm trả lãi là 60.290 đồng; Kỳ trả nợ từ ngày 30/9/2020-31/10/2020, số tiền lãi trong hạn là 314.952 đồng với tiền lãi chậm trả lãi là 59.625 đồng; Kỳ trả nợ từ ngày 31/10/2020-30/11/2020, số tiền lãi trong hạn là 304.792 đồng với tiền lãi chậm trả lãi là 55.197 đồng; Kỳ trả nợ từ ngày 30/11/2020-31/12/2020, số tiền lãi trong hạn là 314.952 đồng với tiền lãi chậm trả lãi là 54.361 đồng; Kỳ trả nợ từ ngày 31/12/2020-31/01/2021, số tiền lãi trong hạn là 314.952 đồng với tiền lãi chậm trả lãi là 51.687 đồng; Kỳ trả nợ từ ngày 31/01/2021-28/02/2021, số tiền lãi trong hạn là 284.472 đồng với tiền lãi chậm trả lãi là 44.502 đồng; Kỳ trả nợ từ ngày 28/02/2021-31/3/2021, số tiền lãi trong hạn là 314.952 đồng với tiền lãi chậm trả lãi là 46.596 đồng; Kỳ trả nợ từ ngày 31/3/2021-30/4/2021, số tiền lãi trong hạn là 304.792 đồng với tiền lãi chậm trả lãi là 42.587

đồng; Kỳ trả nợ từ ngày 30/4/2021-31/5/2021, số tiền lãi trong hạn là 314.952 đồng với tiền lãi chậm trả lãi là 41.332 đồng. Tổng số tiền lãi chậm trả lãi mà ông P, bà L phải thanh toán cho Ngân hàng K là 729.946 đồng.

[7] Từ những nhận định trên, căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm và buộc bị đơn Châu P, Trần L liên đới thanh toán cho Ngân hàng K khoản tiền lãi chậm trả lãi trong hạn với số tiền là 729.946 đồng, tổng số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 39.231.175 đồng (bao gồm các khoản, vốn gốc 26.300.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 2.286.704 đồng, tiền lãi quá hạn là 9.914.525 đồng và tiền lãi chậm trả lãi trong hạn là 729.946 đồng). Đồng thời, căn cứ vào khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm và bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.961.559 đồng ( $39.231.175 \text{ đồng} \times 5\% = 1.961.559 \text{ đồng}$ ).

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm nên nguyên đơn Ngân hàng K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

\* Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309, khoản 2 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

\* Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng K, về việc yêu cầu cấp phúc thẩm buộc bị đơn Châu P, Trần L có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng K khoản tiền lãi chậm trả lãi trong hạn với số tiền là 729.946 đồng.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2022/DS-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng và phần Quyết định của bản án sơ thẩm được tuyên lại như sau:

*Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 3345, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Các điều 91 và 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điểm b khoản 2 Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của*



*pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điểm b khoản 4 Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).*

*Tuyên xử:*

*1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng K, buộc ông Châu P, bà Trần L liên đới trả cho Ngân hàng K tổng số tiền 39.231.175 đồng (Ba mươi chín triệu, hai trăm ba mươi một ngàn, một trăm bảy mươi lăm đồng), gồm các khoản:*

- Vốn gốc: 26.300.000 đồng;*
- Tiền lãi trong hạn: 2.286.704 đồng;*
- Tiền lãi quá hạn: 9.914.525 đồng;*
- Tiền lãi chậm trả lãi trong hạn: 729.946 đồng.*

*2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/9/2022) ông Châu P, bà Trần L còn phải chịu tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 271/18/HĐTD/2100-4672 ngày 31/5/2018 cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng số 271/18/HĐTD/2100-4672 ngày 31/5/2018 các bên có thỏa thuận điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng K thì mức lãi suất mà ông Châu P, bà Trần L phải tiếp tục thanh toán theo bản án của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng K.*

*3. Trường hợp ông Châu P, bà Trần L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng K có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 271/18/HĐTC-BDS/2100-4672 ngày 31/5/2018, cụ thể gồm:*

*Thửa đất số XX, tờ bản đồ số 02, diện tích 113,8 m<sup>2</sup> tại ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI YYY, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS ZZZ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 12/3/2018 và tài sản gắn liền là căn nhà chính ngang phía trước 4,7m, ngang phía sau 4,8 m, dài 9,5 m, diện tích 45,13 m<sup>2</sup>, kết cấu khung cột bê tông đúc sẵn, tường 10 cm, mái lợp tole, không có trần, nền lát gạch Ceramic, cửa gỗ; căn nhà sau ngang 6,6 m, dài 6,0 m, diện tích 39,6 m<sup>2</sup>, kết cấu khung cột bê tông đúc sẵn, tường 10 cm, mái lợp tole, không có trần, cửa gỗ, nền xi măng; mái che hong nhà chính ngang 1,8 m, dài 9,5 m, diện tích 17,1 m<sup>2</sup>, kết cấu cột tre, mái tole, vách tole, nền xi măng; mái che nhà sau ngang 4,3 m, dài 1,4 m, diện tích 6,02 m<sup>2</sup>, kết cấu cột tre, mái tole, không vách. (theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14/7/2022)*

Khi Ngân hàng K có đơn yêu cầu, ông Châu P, bà Trần L, ông Châu H, bà Ông N phải có nghĩa vụ bàn giao tài sản cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

**4. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Ông Châu P, bà Trần L liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.961.559 đồng (Một triệu, chín trăm sáu mươi một ngàn, năm trăm năm mươi chín đồng).

- Ngân hàng K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 976.000 đồng (Chín trăm bảy mươi sáu ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003159 ngày 02/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

**5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:** Ông Châu P, bà Trần L có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng K chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 1.650.000 đồng (Một triệu, sáu trăm năm mươi ngàn đồng).

**6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).**

\* **Án phí dân sự phúc thẩm:** Nguyên đơn Ngân hàng K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng K số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005666 ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

\* Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01 bản);
- TAND huyện C (02 bản);
- Chi cục THADS huyện C (01 bản);
- Các đương sự (06 bản);
- Lưu: VP, HS (05 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

**Lê Thanh Vũ**

